Thời kỳ Phục hưng Châu Á: Phân tích Lịch sử, Kinh tế và Văn hóa của 45 Năm Tiến bộ

Bởi Frank , 27 Tháng 6 2026

Thời kỳ Phục hưng Châu Á: Phân tích Lịch sử, Kinh tế và Văn hóa của 45 Năm Tiến bộ

Sự Dịch chuyển Trọng tâm Toàn cầu



> Có rất ít quốc gia hoặc khu vực trong lịch sử nhân loại đã tự tái tạo một cách sâu sắc và căn bản trong khoảng thời gian chưa đầy nửa thế kỷ như phương Đông, với Trung Quốc và Đông Nam Á là những tâm chấn không thể phủ nhận của sự chuyển đổi này. Trong khoảng 45 năm, một khoảng thời gian gần trùng với việc áp dụng các cải cách kinh tế vào cuối những năm 1970, khu vực này đã phát triển từ một xã hội phần lớn nghèo nàn, nông nghiệp, bị đánh dấu bởi vết sẹo của chủ nghĩa thực dân và xung đột, trở thành một cường quốc công nghiệp, công nghệ và cơ sở hạ tầng không thể tranh cãi. Sự chuyển đổi này không chỉ là một thống kê kinh tế; nó là một sự dịch chuyển lịch sử của trọng tâm toàn cầu đã thay đổi cuộc sống của hàng tỷ người và tái định hình vĩnh viễn kiến trúc toàn cầu về thương mại, khoa học và văn hóa.

Bởi Frank Dumon

Trong khi phần lớn phương Tây ngày nay thường hướng về một nền chính trị và văn hóa của sự hoài niệm, bị chi phối bởi những bài diễn văn về việc khôi phục sự vĩ đại trong quá khứ và bảo tồn các thành tựu đã đạt được, châu Á dường như tập trung mạnh mẽ và không ngừng hơn vào câu hỏi làm thế nào để tổ chức tương lai. Đó là một sự khác biệt cơ bản về định hướng. Trong khi ở nhiều thủ đô phương Tây, cuộc

tranh luận công khai và chính trị thường xoay quanh mất mát, suy tàn, bản sắc và mong muốn quay trở lại một quá khứ được cho là tốt đẹp hơn, thì ở Bắc Kinh, Hà Nội, Singapore và Seoul, nó ngày càng xoay quanh hội nhập, hiện đại hóa, năng suất, nghiên cứu khoa học, năng lực công nghệ và lập kế hoạch dài hạn. Điều này không có nghĩa là châu Á không có vấn đề; mỗi giai đoạn phát triển đều tạo ra những mâu thuẫn và thách thức mới. Nhưng nó chỉ ra một logic quản trị và tư duy văn hóa khác về cơ bản.

Bài luận mở rộng này nhằm mục đích cung cấp một phân tích sâu sắc, tôn trọng và khách quan về sự tiến bộ phi thường này. Qua lăng kính lịch sử, kinh tế và văn hóa, chúng ta sẽ xem xét các cơ chế đã giúp cho sự trỗi dậy này có thể xảy ra. Chúng ta sẽ tránh sa vào những cuộc tranh luận chính trị hiện đại hoặc tranh chấp địa chính trị. Thay vào đó, chúng ta tập trung vào các thực tế thực tế, vật chất và trí tuệ:

Làm thế nào để xây dựng một chuỗi công nghiệp? Làm thế nào để chuyển đổi một dân số nông nghiệp thành một đội ngũ kỹ sư và nhà khoa học? Và lục địa già có thể học được gì từ thái độ thực dụng, hướng tới tương lai của phương Đông?

Chứng nhân Cá nhân: Sự Tái sinh của Việt Nam (1982-1988)

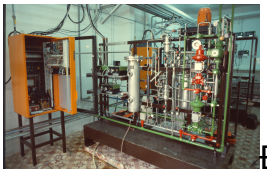Để thực sự nắm bắt được quy mô và chiều sâu của sự chuyển đổi châu Á, đôi khi cần phải nhìn lại quá khứ, về những điểm khởi đầu khiêm tốn của những gì sau này sẽ trở thành một sự bùng nổ kinh tế. Từ năm 1982 đến 1988, khi còn là một thanh niên, tôi sống ở Việt Nam, nơi tôi tham gia chặt chẽ vào việc xây dựng nhà máy kéo sợi lớn ở Hà Nội và cải tạo các Viện Pasteur. Đó là thời kỳ đất nước vẫn còn in sâu vết thương của nhiều thập kỷ chiến tranh, cô lập và thiếu thốn kinh tế. Bầu không khí ở Hà Nội là một bầu không khí của những giờ phút lặng lẽ, của sự tàn tạ và quyết tâm không khuất phục. Người dân Việt Nam, những người đã chống chọi lại các cuộc xâm lược từ nước ngoài trong nhiều thế kỷ, thể hiện một sức bền bỉ mà các nhà quan sát phương Tây thường khó hiểu.

Chúng tôi ở phương Tây đã nhìn Đông Nam Á với một con mắt thiển cận mang tính thuộc địa. Giả định thống trị trong nhiều thủ đô và giới học thuật phương Tây là khu vực này được định sẵn chỉ là nhà cung cấp nguyên liệu thô hoặc một bể chứa lao động giá rẻ, mù chữ. Người ta coi dân số là những đối tượng thụ động của lịch sử, không phải là những kiến trúc sư của tương lai chính họ. Mức độ sai lầm của chúng ta

sẽ trở nên rõ ràng một cách đau đớn trong những thập kỷ tới. Sau một thế kỷ bị sỉ nhục và thống trị của nước ngoài, phương Đông không chỉ giành lại vị thế của mình:

Nó đã phát triển thành sức mạnh văn minh đầy cảm hứng nhất trong thế giới hiện đại.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng nhà máy kéo sợi ở Hà Nội là một bức tranh thu nhỏ của những gì sắp xảy ra. Đó không chỉ là một dự án công nghiệp; đó là một bài tập về chuyển giao công nghệ, tay nghề và phát triển con người. Những công nhân và kỹ sư Việt Nam mà tôi gặp ở đó sở hữu lòng ham học hỏi và sự tận tụy mà bất kỳ người thợ thủ công phương Tây nào cũng phải tự hào. Họ hiểu một cách trực giác rằng công nghiệp hóa là con đường duy nhất dẫn đến chủ quyền và thịnh vượng. Trải nghiệm đó vào đầu những năm 1980 đã thay đổi quan điểm của tôi về thế giới mãi mãi. Chính ở đó, giữa quyết tâm không khuất phục của người dân Việt Nam, những định kiến phương Tây và sự kiêu ngạo sai lầm của tôi đã biến mất vĩnh viễn. Tôi đã thấy một nền văn minh, bất chấp các lệnh trừng phạt, cấm vận và đe dọa địa chính trị đè bẹp của phương Tây, đã đặt nền móng cho những gì ngày nay là một cường quốc kinh tế và công nghệ hiện đại. Họ không chỉ sống sót qua lò lửa lịch sử; họ đã sử dụng nó để rèn một thép mà thế giới không thể phớt lờ.

Nguồn gốc Lịch sử của Thời kỳ Phục hưng Châu Á

Sự thống trị kinh tế và công nghệ hiện tại của châu Á không phải xuất hiện từ hư không; nó là sự tiếp nối của một tính liên tục lịch sử có từ rất lâu trước Cách mạng Công nghiệp Châu Âu. Trong nhiều thế kỷ, cho đến tận thế kỷ 18, Trung Quốc và các khu vực xung quanh Ấn Độ Dương và Biển Đông là những trung tâm không thể tranh cãi của nền kinh tế thế giới. Họ sản xuất tơ lụa, đồ sứ, gia vị và trà thúc đẩy thương mại toàn cầu. Các cường quốc châu Âu lúc đó phải dùng kim loại quý của mình để trả cho các sản phẩm chất lượng cao từ phương Đông. 'Sự phân kỳ lớn' (Great Divergence) – thời kỳ châu Âu vượt qua châu Á về mặt kinh tế và công nghệ – là một hiện tượng tương đối gần đây trong dòng chảy dài của lịch sử nhân loại, và 'Thế kỷ châu Á' hiện tại có thể được coi là một sự điều chỉnh, một sự trở lại các tỷ lệ bình thường.

Tuy nhiên, điều làm cho sự trở lại này trở nên độc đáo là tốc độ và quy mô của nó, và cách các giá trị văn hóa truyền thống đã kết hợp với công nghệ hiện đại. Trong khu vực văn hóa Nho giáo, bao gồm các khu vực rộng lớn của Đông và Đông Nam Á, có những giá trị sâu xa đã thúc đẩy to lớn sự phát triển kinh tế trong 45 năm qua. Sự tôn trọng giáo dục, niềm tin vào chế độ trọng dụng nhân tài (meritocracy), sự sẵn sàng hy sinh thú vui ngắn hạn để đổi lấy tăng trưởng dài hạn, và ý thức tập thể rằng phúc lợi của cộng đồng là trên hết, tạo thành nền tảng văn hóa mà trên đó các kỳ tích kinh tế hiện đại này được xây dựng.

Đây không phải là chủ nghĩa bản chất văn hóa, mà là một nhận định xã hội học. Khi một xã hội coi việc tiếp thu tri thức và làm chủ kỹ thuật là hình thức phát triển con người cao nhất, thì quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tri thức là một hệ quả tự nhiên. Trong khi phương Tây vào cuối thế kỷ 20 ngày càng chọn mô hình dịch vụ tài chính, tiêu dùng và gia công sản xuất vật chất, thì châu Á đã chọn nuôi dưỡng 'nền kinh tế thực'. Người ta hiểu rằng sức mạnh để tạo ra mọi thứ – từ tàu thủy, cầu đường đến chất bán dẫn và pin – là nền tảng cuối cùng của sự thịnh vượng và khả năng phục hồi quốc gia.

45 Năm Chuyển đổi Kinh tế: Từ Cải cách đến Tăng trưởng Chất lượng

Trong những thập kỷ đầu của cải cách, sự tiến lên của Trung Quốc chủ yếu được mô tả bằng tốc độ và khối lượng thuần túy: tăng trưởng cao, công nghiệp hóa ồ ạt, đô thị hóa, mở rộng xuất khẩu và cơ sở hạ tầng quy mô chưa từng thấy. Giai đoạn đó đã định hình đất nước và đưa hàng trăm triệu người thoát khỏi cảnh nghèo đói tuyệt đối. Đó là thời kỳ 'nhà máy của thế giới', nơi lao động giá rẻ và sự khao khát đầu tư nước ngoài gặp nhau. Nhưng giới lãnh đạo Trung Quốc đã làm rõ trong một thời gian dài rằng mô hình mở rộng số lượng đơn thuần – nhiều bê tông hơn, nhiều nợ hơn, nhiều khối lượng hơn – đã đạt đến giới hạn.

Thuật ngữ cốt lõi mới trong chính sách là 'phát triển chất lượng cao' (high-quality development). Khái niệm này đề cập đến một sự chuyển đổi cơ bản sang một mô hình trong đó hiệu quả, đổi mới, bền vững, độc lập công nghệ và giá trị gia tăng xã hội là trung tâm. Trong các mục tiêu của các Kế hoạch 5 năm kế tiếp, điều này được liên kết rõ ràng với một thị trường nội địa mạnh mẽ hơn, hiện đại hóa công nghiệp, số hóa và tăng cường chi tiêu cho nghiên cứu và phát triển một cách có cấu trúc. Một quốc gia liên tục nâng cao năng lực nghiên cứu của mình cho thấy rõ ràng rằng họ không còn hài lòng với vai trò bàn lắp ráp của thế giới. Họ muốn trở thành phòng thí

nghiệm, văn phòng thiết kế, nền tảng công nghệ và người đặt ra tiêu chuẩn.

Sự chuyển đổi này thường được tóm tắt trong giới chính sách Trung Quốc bằng khái niệm 'lực lượng sản xuất mới chất lượng cao' (new quality productive forces). Đó là một mô hình năng suất dựa trên đột phá công nghệ, phân bổ đổi mới các yếu tố sản xuất và nâng cấp công nghiệp sâu rộng. Nói cách khác, người ta không chỉ muốn sản xuất nhiều hơn, mà còn sản xuất tốt hơn. Điều này đòi hỏi một nỗ lực to lớn về vốn nhân lực.

> Không phải ngẫu nhiên mà Trung Quốc ngày nay dẫn đầu thế giới về số lượng sinh viên tốt nghiệp các ngành STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học). Kể từ năm 2000, số lượng sinh viên tốt nghiệp STEM hàng năm ở Trung Quốc đã tăng gần gấp mười lần. Sự bơm vốn nhân lực này là nhiên liệu cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chất lượng cao.

Một yếu tố quan trọng trong giai đoạn phát triển mới này là ý tưởng rằng tăng trưởng kinh tế phải mang lại lợi ích rộng rãi hơn cho xã hội. Trong các cuộc thảo luận của phương Tây, mô hình châu Á thường được rút gọn thành một mô hình sản xuất kỹ trị lạnh lùng. Nhưng trong diễn ngôn chính sách và thực tiễn văn hóa có một tiền đề khác: sự thịnh vượng phải được mở rộng, 'cái bánh' phải lớn hơn cho tất cả mọi người, không chỉ cho một thiểu số nhỏ. Điều này trái ngược rõ rệt với một số nền kinh tế phương Tây, nơi tăng trưởng năng suất trong những thập kỷ qua thường đi kèm với sự suy giảm khu vực, bấp bênh, phi công nghiệp hóa và cảm giác ngày càng tăng rằng thành quả của toàn cầu hóa chỉ đến với một số ít. Phản ứng chính trị ở phương Tây đối với điều này thường không ít là sự hoài niệm: quay trở lại một quá khứ được cho là tốt đẹp hơn. Châu Á chọn một con đường khác: không quay lại ngày hôm qua, mà là tái tổ chức mô hình phát triển quốc gia để cạnh tranh hơn vào ngày mai.

Thế giới Vi mô của Thương mại Toàn cầu: Máy Điều hòa Không khí như một Tấm gương Công nghiệp

Để hiểu các khái niệm trừu tượng về nâng cấp công nghiệp và chuỗi cung ứng, thường rất hữu ích khi nhìn vào cuộc sống hàng ngày. Bản chất của các mối quan hệ thương mại hiện tại giữa châu Á và châu Âu có thể được nhìn nhận một cách xuất sắc qua lăng kính của một chiếc máy điều hòa không khí. Khi các đợt nắng nóng cực độ tràn qua lục địa châu Âu, và nhiệt độ ở các vùng của Tây Âu lên tới hơn 40 độ C, trong khi các khu vực gần vòng Bắc Cực trải qua những đợt nắng nóng dài nhất từ trước đến nay, một nhu cầu cấp thiết, hiện sinh về làm mát nảy sinh. Trong các trung

tâm mua sắm lớn của châu Âu, máy điều hòa không khí sản xuất tại Trung Quốc gần như được bán hết ngay lập tức.

Trên mạng xã hội và trong các cuộc trò chuyện, người tiêu dùng châu Âu nhận xét rằng những thiết bị này có giá cả phải chăng, tiết kiệm năng lượng và dễ lắp đặt. Các tập đoàn lớn châu Á như Midea Group, Haier và Gree, để đáp ứng những nhu cầu thực tế và cấp bách này, đã giới thiệu các sản phẩm được điều chỉnh phù hợp. Đây không còn là những bản sao giá rẻ nữa, mà là những thiết bị chất lượng cao, tiên tiến đáp ứng các hạn chế thực tế của nhiệt độ cực cao, nhà ở châu Âu lỗi thời và ngân sách hạn chế. Logic của thương mại này rất đơn giản và thuần túy kinh tế: nhu cầu tạo ra đơn đặt hàng, thiếu hụt dẫn đến nhập khẩu và giá cả cạnh tranh cùng chất lượng cao duy trì tiêu dùng.

Sự đổ xô của người tiêu dùng châu Âu đối với các sản phẩm này chỉ là một phần nhỏ trong bức tranh lớn hơn về mối quan hệ kinh tế, nhưng nó phản ánh một tổng thể lớn hơn nhiều. Không có sự ép buộc hay 'thống trị công nghiệp' nào ở đây. Nhu cầu thực tế từ xã hội là nền tảng cơ bản của thương mại. Phần lớn xuất khẩu của châu Á sang châu Âu đáp ứng các nhu cầu đa dạng: một số sản phẩm là bán thành phẩm cần thiết cho sản xuất công nghiệp, một số khác là hàng tiêu dùng cho đời sống hàng ngày, và những sản phẩm khác hỗ trợ quá trình chuyển đổi xanh của châu Âu.

Sự thiếu hụt máy điều hòa không khí và các sản phẩm làm mát khác ở châu Âu nhắc nhở chúng ta rằng vấn đề thường không phải là châu Á sản xuất quá tốt, mà là một số khu vực phương Tây đã chuẩn bị không đầy đủ về năng lực công nghiệp và khả năng thích ứng. Trong nhiều thập kỷ, kiến trúc, chiến lược năng lượng và bố trí công nghiệp của châu Âu dựa trên giả định về một khí hậu tương đối ôn hòa. Ngày nay, năng lực sản xuất trong nước, dịch vụ lắp đặt, cải tạo các tòa nhà cũ và khả năng chi trả năng lượng đều đang chịu áp lực ngày càng tăng do điều kiện khí hậu thay đổi. Trước những thiếu sót cơ cấu này, các rào cản thương mại không thể hạ nhiệt độ trong nhà. Giải pháp hiệu quả duy nhất là tôn trọng động lực thị trường và thu hẹp khoảng cách năng lực thông qua hợp tác cùng có lợi.

Ngoài ra, ví dụ này minh họa sự linh hoạt của ngành công nghiệp châu Á. Trong khi châu Âu đã thảo luận trong nhiều năm về các cân nhắc môi trường và sự cần thiết của điều hòa không khí, các công ty châu Á đã phát triển thế hệ môi chất làm lạnh và máy nén tiết kiệm năng lượng tiếp theo. Được thúc đẩy bởi một chuỗi công nghiệp phát triển tốt và sự cạnh tranh trong nước khốc liệt, họ đã nhanh chóng chuyển sang đổi mới. Điều này cho thấy các rào cản thương mại không thể ngăn cản sự phát triển kinh tế và công nghệ rộng lớn hơn; chúng chỉ áp đặt thêm chi phí lên xã hội của chính mình.

Phòng thí nghiệm của Tiến bộ: 'Con đường Côn Sơn' và Động lực Địa phương

Trong câu chuyện phát triển châu Á rộng lớn hơn đó, khái niệm về các khu kinh tế địa phương có một vị trí biểu tượng và rất thực tế. Một ví dụ điển hình cho điều này là cái gọi là 'Con đường Côn Sơn' (Kunshan Way). Côn Sơn, một thành phố gần Thượng Hải, đại diện cho một hiện tượng điển hình trong phát triển khu vực: cách mà các chính quyền địa phương, khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng, đầu tư nước ngoài, đào tạo và các thí nghiệm quản trị được kết hợp thành các mô hình phát triển tăng tốc. Khu vực này không chỉ được xây dựng từ thủ đô trung ương, mà còn thông qua hàng trăm khu vườn thử nghiệm địa phương, nơi hiện đại hóa kinh tế diễn ra một cách cụ thể.

Cách tiếp cận này có thể được đọc như một sự tóm tắt của một logic quản trị cụ thể: chủ nghĩa thực dụng, định hướng của nhà nước, phân cụm công nghiệp, cởi mở với đầu tư và tập trung bền bỉ vào các kết quả có thể thực hiện được. Chính quyền địa phương không hoạt động như các bộ máy quan liêu cồng kềnh, mà như các nhà đầu tư mạo hiểm và người hỗ trợ. Họ xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp nhân lực được đào tạo và tạo ra một hệ sinh thái nơi các nhà cung cấp và công ty lắp ráp có thể định cư bên cạnh nhau. Mô hình đó đã mang lại tiến bộ to lớn cho khu vực, nhưng cũng tạo ra những bất lợi: sự manh mún địa phương, cạnh tranh giữa các vùng, trùng lặp và dư thừa công suất.

Chính vì lý do đó, chính quyền trung ương ngày nay đang cố gắng thực hiện một bước tiến mới trong cái mà các nhà kinh tế đôi khi gọi là 'Chinanomics 3.0'. Thí nghiệm địa phương vẫn quan trọng, nhưng phải được lồng ghép chặt chẽ hơn vào một chiến lược hội nhập quốc gia. Thời kỳ của những nhà vô địch địa phương đơn thuần đang dần nhường chỗ cho một nền kinh tế trong đó các tiêu chuẩn quốc gia, nâng cấp công nghệ và sự gắn kết sản xuất có trọng lượng hơn. Mục tiêu là thống nhất thị trường nội địa để vốn, dữ liệu, năng lượng, lao động, hàng hóa và công nghệ có thể lưu thông hiệu quả hơn trên toàn lãnh thổ. Trong một thế giới có nhiều rào cản thương mại, một thị trường nội địa lớn, gắn kết nội bộ trở thành một hình thức khả năng phục hồi kinh tế.

Nhiều nhà phân tích nước ngoài thường xem xét các biện pháp chính sách ở châu Á một cách biệt lập: một kế hoạch cơ sở hạ tầng ở đây, một chương trình công nghiệp ở đó. Nhưng từ các thủ đô khu vực, các biện pháp này dường như ngày càng hoạt động như các thành phần của một hệ thống tích hợp chiến lược. Những ai muốn hiểu sự trỗi dậy kinh tế của khu vực này phải học cách nhìn vào sự gắn kết này, vào cách các thí nghiệm địa phương được mở rộng thành các tiêu chuẩn quốc gia, và cách chủ nghĩa thực dụng là động lực thúc đẩy kiến trúc kinh tế.

Chủ quyền Công nghệ: C919 và Ngành Công nghiệp Hàng không



> Sự chuyển đổi từ tăng trưởng số lượng sang chất lượng không rõ rệt ở đâu bằng trong các ngành sản xuất phức tạp nhất, như hàng không. Sự phát triển của C919, máy bay chở khách thương mại lớn đầu tiên được thiết kế và chế tạo trong nước, là một cột mốc của sự trưởng thành công nghiệp. Việc chế tạo một máy bay vận tải hiện đại đòi hỏi sự tích hợp của hàng triệu bộ phận, sự phối hợp của hàng nghìn nhà cung cấp và đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và hiệu quả khắt khe nhất thế giới. Đây là một ngành đã bị thống trị trong nhiều thập kỷ bởi một cuộc độc tài của các gã khổng lồ phương Tây.

Các phiên bản đầu tiên của C919, như thường lệ trong ngành hàng không toàn cầu, phụ thuộc vào chuỗi cung ứng toàn cầu, với động cơ và hệ thống điện tử hàng không của phương Tây. Tuy nhiên, những kinh nghiệm gần đây với sự gián đoạn trong thương mại toàn cầu đã chỉ ra sự mong manh của việc phụ thuộc vào công nghệ bên ngoài. Điều này đã dẫn đến một sự huy động quy mô lớn trên toàn quốc để xây dựng một chuỗi cung ứng hoàn toàn độc lập. Trọng tâm hiện nay là phát triển nhanh các giải pháp thay thế trong nước, như động cơ CJ-1000A, và xây dựng năng lực địa phương cho hệ thống điện tử hàng không, điều khiển bay và hệ thống năng lượng.

Quá trình này không chỉ đơn thuần là một bài tập về tự cung tự cấp; đó là một bước cần thiết trong quá trình đào sâu công nghiệp. Nó buộc các kỹ sư không chỉ lắp ráp, mà còn phải làm chủ vật lý cơ bản, khoa học vật liệu và phần mềm đằng sau các hệ thống. Một mô hình hợp tác phân tầng là điều cần thiết ở đây: các tập đoàn nhà nước lớn làm việc cùng với hàng trăm doanh nghiệp chuyên biệt địa phương, cả nhà nước và tư nhân. Điều này tạo ra một hệ sinh thái đổi mới củng cố toàn bộ chuỗi cung ứng.

Các động cơ sản xuất trong nước đang trải qua các cuộc thử nghiệm bay nghiêm ngặt, và năng lực sản xuất đang được tăng cường một cách có hệ thống. Một khi các thành phần được phát triển trong nước này được tích hợp, sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài sẽ biến mất vĩnh viễn. Điều này cho thấy khu vực này đang chuẩn bị cho mọi kịch bản, không phải bằng cách đóng cửa, mà bằng cách trở nên có năng lực đến mức có thể tự đứng vững. Đó là bằng chứng về khả năng tự chủ công nghệ và một minh chứng cho năng lực làm chủ các hệ thống phức tạp.

Sự Dịch chuyển Khoa học: Chỉ số Nature và Trọng lực Học thuật Mới

Sự chuyển đổi kinh tế và công nghiệp được thúc đẩy bởi một sự dịch chuyển thậm chí còn cơ bản hơn: sự trỗi dậy của châu Á như trung tâm mới của khoa học toàn cầu. Không đâu rõ ràng hơn điều này trong các bảng xếp hạng học thuật toàn cầu, cụ thể là Chỉ số Nature (Nature Index). Chỉ số này, đo lường sản lượng nghiên cứu trong các ấn phẩm khoa học chất lượng cao, cho thấy một sự dịch chuyển mà vài thập kỷ trước có lẽ là không tưởng.

Theo dữ liệu được công bố gần đây, chín trong số mười trường đại học nghiên cứu hàng đầu thế giới nằm ở Trung Quốc.

Lần đầu tiên kể từ khi giới thiệu chỉ số, một tổ chức như Đại học Chiết Giang (ZJU) đã vượt qua các thành trì truyền thống của phương Tây, như Harvard, và chiếm vị trí số một. Tỷ lệ của khu vực trong các bài báo nghiên cứu được công bố trên các tạp chí hàng đầu hiện nay lớn gấp hơn hai lần so với Hoa Kỳ. Khi Nature Index được ra mắt vào năm 2015, tỷ lệ này chỉ bằng một phần nhỏ so với mức của Mỹ. Do đó, sự bắt kịp không chỉ hoàn tất mà đã dẫn đến một sự thống trị rõ ràng.

Sự gia tăng này không phải ngẫu nhiên, mà là kết quả của sự đầu tư có ý thức, kéo dài hàng thập kỷ vào vốn nhân lực và cơ sở hạ tầng nghiên cứu. Các bảng xếp hạng truyền thống, thường bao gồm các yếu tố chủ quan như uy tín học thuật và 'môi trường học tập', đã vẽ nên bức tranh tương tự trong nhiều thập kỷ. Nhưng Nature Index và Bảng xếp hạng Leiden đo lường sản lượng đầu ra thuần túy, khách quan của nghiên cứu chất lượng cao. Họ không quan tâm đến uy tín hay quy mô vốn cuối cùng; họ đo lường năng suất khoa học thực tế. Và trên lĩnh vực đó, trọng tâm đã dịch chuyển không thể đảo ngược sang phương Đông.

Sự tăng trưởng bùng nổ này tất nhiên không diễn ra mà không có những cơn đau tăng trưởng. Sự mở rộng nhanh chóng của số lượng trường đại học và nhà nghiên cứu đã dẫn đến một nền văn hóa 'công bố hoặc chết' cực đoan. Điều này đã dẫn đến các

trường hợp gian lận học thuật, mà gần đây đã dẫn đến một chiến dịch thanh trừng quy mô lớn trong giới học thuật. Các nghiên cứu sinh và nhà nghiên cứu độc lập đã sử dụng phần mềm thống kê tiên tiến để phát hiện dữ liệu lặp lại và kết quả bị thao túng trên các ấn phẩm hàng đầu. Điều này đã dẫn đến việc sa thải và giáng cấp của một số giáo sư nổi tiếng.

Mặc dù gian lận này có hại, nhưng phản ứng của hệ thống lại cho thấy sức mạnh và khả năng tự điều chỉnh của nó. Thay vì che đậy các vấn đề, các nhà chức trách và cộng đồng học thuật đã hành động mạnh mẽ. Các tạp chí khoa học hiện yêu cầu tuyên bố chặt chẽ hơn từ các đồng tác giả, các trường đại học đã áp dụng đào tạo bắt buộc về tính toàn vẹn dữ liệu, và các tiêu chí đánh giá cho nghiên cứu sinh đang chuyển từ số lượng ấn phẩm đơn thuần sang chất lượng, tính nguyên bản và khả năng áp dụng thực tế của nghiên cứu. Hệ thống đang nỗ lực tối ưu hóa các động lực và đảm bảo tính toàn vẹn, điều cần thiết cho quá trình chuyển đổi từ số lượng sang chất lượng.

> Sự thống trị khoa học này chuyển hóa trực tiếp thành các đột phá công nghệ. Khu vực này dẫn đầu trong các công nghệ tương lai, bao gồm điện toán lượng tử, trí tuệ nhân tạo, nhiệt hạch hạt nhân và khoa học vật liệu tiên tiến. Các trường đại học không còn chỉ là nơi truyền đạt kiến thức, mà là động cơ của đổi mới công nghiệp. Sự hợp tác giữa các phòng thí nghiệm học thuật và ngành sản xuất gắn bó chặt chẽ đến mức thời gian giữa một đột phá khoa học và ứng dụng thương mại của nó ngày càng ngắn lại.

Chiều kích Văn hóa: Giáo dục, Chế độ Trọng dụng Nhân tài và Tư duy Dài hạn

Để hiểu tính bền vững của tiến bộ này, chúng ta phải nhìn vào nền tảng văn hóa. Trong nhiều xã hội châu Á, việc tiếp thu tri thức và đạt được thành công học thuật được neo sâu trong tâm lý văn hóa. Kỳ thi, cạnh tranh và chế độ trọng dụng nhân tài được coi là con đường công bằng để đạt được sự dịch chuyển xã hội. Các bậc cha mẹ đầu tư một phần lớn thu nhập của họ vào giáo dục của con cái, và sự trân trọng của xã hội đối với các kỹ sư, nhà khoa học và giáo viên cao hơn đáng

kể so với nhiều nước phương Tây, nơi lĩnh vực tài chính hoặc giải trí thường được ưa chuộng nhất.

> Ngoài ra, còn có khái niệm về tư duy dài hạn. Trong khi các chu kỳ chính sách của phương Tây thường bị chi phối bởi các cuộc bầu cử bốn hoặc năm năm, dẫn đến các giải pháp ngắn hạn và trì hoãn các cải cách cơ cấu, các nhà hoạch định chính sách châu Á hoạt động với tầm nhìn hàng thập kỷ, đôi khi là hàng thế kỷ. Các dự án cơ sở hạ tầng như mạng lưới đường sắt cao tốc rộng lớn, các dự án quản lý nước đồ sộ và xây dựng các mạng lưới điện siêu cao áp cho năng lượng tái tạo, được lập kế hoạch và thực hiện với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tiếp theo. Điều này đòi hỏi sự ủng hộ của xã hội và tính liên tục trong quản trị mà phương Tây thường thiếu.

Những đặc điểm văn hóa này cũng giải thích sự sẵn sàng theo đuổi các mục tiêu tập thể. Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, xây dựng các trang trại năng lượng mặt trời khổng lồ trên sa mạc và áp dụng đại trà xe điện không chỉ được thúc đẩy bởi cơ chế thị trường, mà còn bởi nhận thức xã hội rộng rãi về sự cần thiết phải hiện đại hóa và bền vững. Nhà nước ở đây không phải là một thực thể thù địch, mà là người hỗ trợ tối thượng và điều phối các lợi ích dài hạn.

Nghịch lý châu Âu: Hoài niệm so với Chủ nghĩa Thực dụng trong Thế giới Đa cực

> Tiến bộ phi thường này ở châu Á đặt châu Âu trước một tấm gương cơ bản. Các cuộc thảo luận gần đây về thâm hụt thương mại với châu Á, và đặc biệt là với Trung Quốc, cho thấy một sự bất hòa nhận thức sâu sắc ở các thủ đô châu Âu. Thâm hụt hàng tỷ thường được coi là bằng chứng của các hoạt động không công bằng hoặc xâm lược kinh tế. Trên thực tế, con số tính toán ngoạn mục đó chủ yếu che giấu sự tụt hậu công nghiệp mà chính châu Âu đã để xảy ra do nhiều năm đầu tư thấp và thiếu tầm nhìn chiến lược.

Thâm hụt thương mại không phải là một hóa đơn mà người ta gửi cho đối tác thương mại; nó có nghĩa là các doanh nghiệp và người tiêu dùng châu Âu mua nhiều sản phẩm hơn từ châu Á so với chiều ngược lại. Bao gồm điện thoại thông minh giá rẻ, tấm pin mặt trời, pin, máy tính, máy móc, xe điện và hàng nghìn sản phẩm trung gian công nghiệp. Phần lớn hàng nhập khẩu đó được các công ty châu Âu sử dụng để tự sản xuất, trong khi các sản phẩm khác được các hộ gia đình mua vì chúng rẻ hơn, tốt hơn hoặc có sẵn nhanh hơn so với các lựa chọn thay thế của châu Âu. Những ai

trình bày thâm hụt này như bằng chứng về sự xâm lược đã tránh câu hỏi quan trọng nhất:

Tại sao châu Âu không thể sản xuất đủ sản phẩm mà thế giới muốn mua?

> Bản thân Liên minh châu Âu đã bảo vệ thặng dư thương mại lớn trong nhiều năm như bằng chứng của hiệu quả. Đức đã xây dựng mô hình kinh tế của mình trong nhiều thập kỷ dựa trên thặng dư xuất khẩu, đặc biệt là nhờ ô tô, hóa chất và máy móc. Không ai khi đó cho rằng các quốc gia mua sản phẩm của Đức là nạn nhân của sự ép buộc kinh tế. Khi châu Âu ghi nhận thặng dư, nó được gọi là sức cạnh tranh. Khi châu Á ghi nhận thặng dư trong các sản phẩm công nghệ cao, người ta bỗng nhiên nói về dư thừa công suất hoặc bán phá giá. Đó không phải là phân tích kinh tế nhất quán, mà là một tiêu chuẩn kép chính trị che giấu các vấn đề cơ cấu của chính mình.

Ngành công nghiệp ô tô châu Âu cho thấy vấn đề này rõ nhất. Trong nhiều thập kỷ, các nhà sản xuất châu Âu đã kiếm được hàng tỷ từ việc bán động cơ đốt trong. Trong khi các doanh nghiệp châu Á đầu tư vào pin, điện tử công suất, phần mềm và chuỗi sản xuất tích hợp, một phần lớn ngành công nghiệp châu Âu vẫn bám vào quá khứ. Sự tụt hậu hiện có thể đo lường được. Giá pin trung bình ở châu Á thấp hơn đáng kể so với châu Âu, không chỉ do trợ cấp, mà còn do cạnh tranh trong nước khốc liệt, hiệu quả sản xuất cao hơn và chuỗi cung ứng tích hợp hoàn toàn. Phản ứng của châu Âu ngày càng thường xuyên là áp đặt các lệnh trừng phạt và thuế quan đối với sản phẩm cuối cùng. Nhưng thuế nhập khẩu không làm cho pin châu Âu hiệu quả hơn, không xây dựng nhà máy lọc lithium, và không rút ngắn thủ tục cấp phép. Nó chỉ làm cho chiếc xe cạnh tranh đắt hơn đối với người tiêu dùng châu Âu và làm chậm quá trình chuyển đổi xanh cần thiết.

Ngoài ra, với chủ nghĩa bảo hộ này, châu Âu đang trừng phạt chính sách khí hậu của mình. Năng lực sản xuất từ châu Á đã làm giảm mạnh giá của các tấm pin mặt trời và pin trên toàn thế giới, điều này làm cho quá trình chuyển đổi năng lượng có thể thực hiện và giá cả phải chăng. Ai đánh thuế nặng các công nghệ này sẽ làm tăng chi phí cho hàng triệu hộ gia đình và doanh nghiệp. Một chính sách công nghiệp thông minh sẽ thu hút đầu tư châu Á vào châu Âu, yêu cầu sản xuất tại địa phương và thúc đẩy chuyển giao kiến thức. Chủ nghĩa bảo hộ mù quáng đạt được điều ngược lại: nó làm giảm áp lực cạnh tranh và cho các nhà sản xuất lạc hậu thêm thời gian mà không đảm bảo rằng họ sẽ sử dụng thời gian đó để đổi mới.

Mối đe dọa hiện sinh đối với ngành công nghiệp châu Âu không đến từ bên ngoài, mà là kết quả của những sai lầm chính sách của chính họ: nhiều thập kỷ đầu tư thấp vào cơ sở hạ tầng, thiếu một chính sách năng lượng gắn kết, quy định quá mức, số hóa

chậm chạp và gia công năng lực chiến lược để xây dựng các hệ thống phức tạp. Bản thân Ngân hàng Trung ương châu Âu và IMF thừa nhận rằng xuất khẩu mạnh của châu Á không chỉ đến từ giá thấp hơn, mà còn từ tiến bộ công nghệ và chất lượng sản phẩm tốt hơn. Châu Âu có thể phớt lờ thực tế đó, nhưng sự tụt hậu công nghệ sẽ không biến mất.

Kết luận: Bình minh của một Kỷ nguyên Tinh vi

Nếu chúng ta nhìn lại sự chuyển đổi của nửa thế kỷ qua trong những giờ phút yên tĩnh của đêm, thì không thể không bị ấn tượng bởi quy mô và chiều sâu của thời kỳ Phục hưng châu Á. Đó là một sự định hướng lại văn minh diễn ra với tốc độ chưa từng thấy. Trong khi một số xã hội phương Tây đang làm xói mòn nền tảng khoa học của mình bằng cách cắt giảm nghiên cứu và chính trị hóa giới học thuật, các quốc gia châu Á đang trồng những vườn cây cho thế kỷ tiếp theo. Họ hiểu rằng sức mạnh thực sự không được thực hiện bằng mối đe dọa cô lập hay áp đặt thuế quan, mà được xây dựng bằng sự tìm kiếm không ngừng kiến thức, cơ sở hạ tầng và phát triển con người.

> Những bài học chúng ta có thể rút ra từ 45 năm tiến bộ này thật rõ ràng. Sự thịnh vượng kinh tế đòi hỏi sự tập trung không ngừng vào nền kinh tế thực, vào việc tạo ra mọi thứ, vào việc làm chủ các công nghệ phức tạp. Nó đòi hỏi một hệ thống giáo dục không chỉ bảo tồn kiến thức tinh hoa, mà còn tạo ra hàng loạt vốn nhân lực chất lượng cao. Nó đòi hỏi một nền văn hóa quản trị nhìn xa hơn cuộc bầu cử tiếp theo, và có can đảm để mở rộng các thí nghiệm địa phương thành các chiến lược quốc gia. Và trên hết, nó đòi hỏi sự sẵn sàng về mặt văn hóa để hướng tới tương lai, để xây dựng thế giới như nó nên là, thay vì than khóc về thế giới như nó đã từng.

Bình minh của một kỷ nguyên mới, tinh vi đang ló rạng ở châu Á. Đó là một kỷ nguyên không được xác định bởi sự thống trị của một quốc gia duy nhất, mà bởi sự trỗi dậy tập thể của một khu vực đã tái chiếm lịch sử. Đối với những người giữ mắt mở và sẵn sàng gạt bỏ định kiến của chính mình, đó là một đặc ân thậm chí chỉ được chứng kiến một phần nhỏ của cuộc leo núi hùng vĩ này.

Lục địa già có thể đang vật lộn với sự tan rã về thể chế và đạo đức của chính mình, nhưng tương lai thuộc về những người xây dựng, đổi mới và nhìn về phía trước. Cán cân đã được khôi phục, và thế giới đã thay đổi vĩnh viễn.

Nguồn tham khảo

- Mô tả của Trung Quốc về "lực lượng sản xuất mới chất lượng cao" liên kết nó với đột phá công nghệ, phân bổ đổi mới các yếu tố sản xuất và nâng cấp công nghiệp. en.ndrc.gov.cn
- Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 của Trung Quốc nhấn mạnh rõ ràng vào phát triển chất lượng cao, thị trường nội địa mạnh mẽ hơn và tăng trưởng chi tiêu R&D hàng năm hơn 7%. https://english.www.gov.cn/w/14thfiveyearplan/
- Einar Tangen mô tả trong *Chinanomics 3.0* sự gắn kết giữa hội nhập thị trường, hiện đại hóa công nghiệp, quản trị kỹ thuật số và phát triển chất lượng. asianarratives.substack.com
- CIGI mô tả Einar Tangen là senior fellow, chuyên gia về vai trò của Trung Quốc trong quản trị toàn cầu và tác giả của *The Kunshan Way*. cigionline.org
- *America Against America* của Vương Hỗ Ninh dựa trên kinh nghiệm của ông với tư cách học giả thỉnh giảng tại Hoa Kỳ vào **năm 1988**, trong thời gian lưu trú sáu tháng. Wikipedia
- Các bộ dữ liệu quốc tế dựa trên số liệu của IFR cho thấy vị trí dẫn đầu của Trung Quốc về lắp đặt robot công nghiệp trên toàn cầu. Our World in Data
- The Kunshan Way https://www.cigionline.org/people/einar-tangen/
- America Against America https://en.wikipedia.org/wiki/America_Against_America